TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-PT
Ngày 18 - 01 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm tổng hợp G; địa chỉ: Tòa nhà R, Tháp P, Lầu A, 235 Nguyễn Văn C, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm tổng hợp G.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lương Thị Hồng M; sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp D, xã I, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (Theo Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2015). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị H1 – Văn phòng luật sư Nguyễn Thị H1 thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thanh H2, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số K, Khóm X, Phường J, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm tổng hợp G; bị đơn ông Trần Thanh H2;

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Lương Thị Hồng M, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 18/3/2010, ông Trần Thanh H2 có ký kết hợp đồng lao động số 17-10/GVN với Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G (sau đây gọi tắt là Công ty). Chức danh của ông H2 là trưởng phòng kinh doanh khu vực, với công việc phải làm là quảng bá và phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề mình phụ trách; quản lý mạng lưới đại lý, tuyển dụng đại lý mới. Tuy nhiên, trên thực tế, ngoài thực hiện công việc theo như hợp đồng ông H2 còn quản lý việc bán bảo hiểm, thu phí Bảo hiểm và ông H2 có trách nhiệm nộp tiền thu bảo hiểm về cho Công ty. Trong quá trình làm việc, ông H2 không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của mình. Tính đến ngày 13/9/2012 số tiền thu bảo hiểm ông H2 chưa nộp về Công ty là 697.788.000 đồng.

Ngày 25/10/2012 Công ty có đối trừ một số khoản mà Công ty chưa thanh toán cho ông H2 gồm: Tiền lương từ tháng 3 đến tháng 8/2012 (06 tháng) là 24.724.116 đồng. Tiền thuê nhà trả cho ông H2 từ tháng 02 đến tháng 06/2012 (06 tháng) là 15.000.000 đồng. Tiền hoa hồng và lương kinh doanh tương ứng đã trừ thuế thu nhập cá nhân là 35.751.704 đồng.

Như vậy, sau khi đối trừ thì số tiền còn lại ông H2 còn nợ chưa nộp về công ty là 622.312.180 đồng. Đến ngày 01/12/2012 Công ty có ban hành Quyết định nghỉ không hưởng lương đối với ông H2, thời gian nghỉ bắt đầu từ ngày 01/12/2012. Đến ngày 01/02/2013 Công ty tiếp tục ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty đối với ông H2, thời gian chấm dứt từ ngày 01/02/2013. Sau khi nhận được 02 Quyết định trên thì cho đến nay ông H2 không có bất cứ khiếu nại gì.

Vào ngày 24/02/2014, tại biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, ông H2 xác nhận còn nợ Công ty số tiền 622.312.180 đồng và từ đó đến nay ông H2 và Công ty không có thanh toán cho nhau bất cứ khoản tiền nào. Khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông H2 thì Công ty còn nợ ông H2 tiền lương kinh doanh và hoa hồng đại lý sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân là 304.704.164 đồng, tiền lương của ông H2 từ ngày 01/9/2012 đến 30/11/2012 là 12.215.943 đồng. Sau khi đối trừ thì ông H2 còn nợ lại Công ty số tiền 305.392.073 đồng.

Nay Công ty yêu cầu ông Trần Thanh H2 phải hoàn trả số tiền còn nợ là 305.392.073 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/9/2012 cho đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2017 là 140.709.397 đồng, tổng vốn và lãi là 446.101.470 đồng. Ngoài ra, Công ty không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Thanh H2 trình bày: Ông H2 có ký hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty như phía đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Tính đến ngày 13/9/2012 số tiền thu bảo hiểm ông H2 chưa nộp về Công ty là 697.788.000 đồng. Đối với Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 01/02/2013 thì ông H2 cũng đồng ý. Tuy nhiên, khi chấm dứt hợp đồng lao động Công ty chưa thanh toán cho ông các khoản tiền so với số tiền ông chưa nộp về công ty như sau:

- Lương kinh doanh và hoa hồng đại lý: 697.788.000 đồng x 55% = 383.783.400 đồng.

- Lương gửi vào tài khoản còn thiếu từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2012 là 37.689.037 đồng.

- Lương từ tháng 3/2012 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động 01/02/2013 là 12 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 72.000.000 đồng.

- Trả lương cho anh Trần Nhật M1 từ tháng 11/2010 đến tháng 02/2013 là 28 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 84.000.000 đồng.

- Tiền hỗ trợ cho Nguyễn Thị H3 từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2012 là 21 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 21.000.000 đồng.

- Tiền thuê nhà làm văn phòng 06 tháng x 3.000.000 đồng/tháng 1à 18.000.000 đồng.

- Tiền thưởng doanh thu năm 2011 là 812.272.000 đồng x 3% = 24.368.160.000 đồng.

- Công tác phí B đi S 39 lượt x 200.000 đồng/lượt = 7.800.000 đồng.

- Tiền thưởng văn phòng S năm 2011 là 11.000.000 đồng.

- Tiền bảo hiểm xã hội 01 năm bằng 01 tháng lương, làm việc 3 năm x 6.000.000 đồng/tháng = 18.000.000 đồng.

Như vậy, tổng các khoản Công ty chưa thanh toán cho ông H2 là 677.640.597 đồng.

Đối trừ số tiền ông H2 chưa thanh toán thì ông H2 còn nợ Công ty như sau: 697.788.000 đồng – 677.640.597 đồng = 20.147.403 đồng.

Ngày 29/7/2015 ông H2 có tính các khoản sau khi đối trừ thì Công ty còn nợ ông là 47.687.820 đồng nên ông có nộp đơn yêu cầu phản tố buộc Công ty phải trả ông số tiền này. Đến ngày 17/7/2017, sau khi tính lại thì ông H2 xác định Công ty chỉ còn nợ ông số tiền 552.037 đồng, đồng thời ông H2 rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố và không đặt ra bất cứ yêu cầu gì với Công ty, đồng thời ông không đồng ý trả bất cứ số tiền vốn và lãi nào theo yêu cầu của nguyên đơn vì sau khi tính lại ông không còn nợ tiền Công ty.

Tại bản tường trình ngày 26/8/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H2 tính lại các khoản và sau khi đối trừ ông còn nơ công ty 20.147.403 đồng, nay ông chỉ đồng ý trả công ty số tiền này, không đồng ý trả lãi.

Từ nội dung nêu trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017 ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G. Buộc ông Trần Thanh H2 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G 271.388.972 đồng tiền nợ vốn và 118.054.202 đồng tiền lãi, tổng vốn và lãi là 389.443.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G về việc yêu cầu ông Trần Thanh H2 phải trả số tiền nợ vốn và lãi lên đến 446.101.470 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Trần Thanh H2 về việc yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G trả ông số tiền 47.687.820 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10 tháng 11 năm 2017, bị đơn ông Trần Thanh H2 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét cho ông về tiền lương trả cho Nhật M1, bà H3, tiền thưởng

của Văn phòng S năm 2011, tiền đi nộp phí từ B đến S, tiền thuê nhà Công ty trả thiếu 01 tháng và tiền hoa hồng, lương kinh doanh phải là 55%. Sau khi đối trừ các khoản thì ông chỉ nợ Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G số tiền là 20.147.403 đồng.

- Ngày 11 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G kháng cáo với nội dung: Yêu cầu tính tiền lương của ông H2 từ tháng 3/2012 đến tháng 11/2012 số tiền là 36.940.059 (theo lương thỏa thuận trong hợp đồng và các văn bản điều chỉnh lương của ông Trần Thanh H2). Không đồng ý việc đối trừ tiền thưởng doanh thu 3% trên tổng doanh thu 812.272.000 đồng cho ông H2, vì biên bản doanh thu ông H2 cung cấp không có chữ ký xác nhận của trưởng phòng (ông Ngô Văn Đ1) và cũng không cung cấp được kế hoạch doanh số. Về lãi suất, yêu cầu ông H2 trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 13/9/2012.

- Ngày 11 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị với nội dung: Về mức lương của ông H2 là 5.175.000 đồng (bao gồm phần phải đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân của ông H2 (nếu có)) khi đối trừ tiền lương của ông H2 cần phải tính sau khi trừ các khoản phải đóng bảo hiểm. Về tiền thưởng doanh thu năm 2011 ông H2 không chứng minh được ông đã hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu được giao nên không có căn cứ để chấp nhận việc đối trừ tiền thưởng doanh thu cho ông H2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Tại biên bản họp ngày 13/9/2012, ông H2 thống nhất ông còn nợ Công ty số tiền 697.788.000 đồng, Công ty đồng ý đối với số tiền Công ty nợ ông H2 là 392.395.927 đồng. Ngoài ra, Công ty không đồng ý đối trừ các khoản tiền khác cho ông H2. Sau khi đối trừ thì ông H2 còn nợ Công ty số tiền 305.392.073 đồng, đối với bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì Công ty không đồng ý việc chấp nhận đối trừ tiền thưởng doanh thu năm 2011 cho ông H2 do bảng doanh thu ông H2 đưa ra không có chữ ký xác nhận của trưởng phòng đại diện là ông Ngô Hồng Đ1 và ông H2 cũng không có bảng kế hoạch về việc hoàn thành nhiệm vụ nộp cho Công ty và Công ty cũng không có ra văn bản xác nhận nội dung về việc hoàn thành kế hoạch của ông H2, về mức lương cho ông H2 không trừ các khoản bảo hiểm mà ông H2 phải nộp là không đúng theo hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty với ông H2 và việc tính lãi từ ngày 26/11/2012 là làm thiệt thòi quyền lợi nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn có nội dung phù hợp

kháng nghị, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi kể từ ngày 13/9/2012. Đề nghị áp dụng Điều 289, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ngày 10 tháng 11 năm 2017, ông Trần Thanh H2 kháng cáo, ngày 11 tháng 11 năm 2017, Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và việc kháng cáo của đương sự là còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin xử vắng mặt nên bị coi như ông H2 từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H2 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G và kháng nghị của Viện kiểm sát về việc cấp sơ thẩm xác định mức lương hàng tháng cho ông H2 không trừ các phí Bảo hiểm là không đúng theo hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty với ông H2. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Công ty bổ sung nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét về tiền lương hàng tháng của ông H2 trong hợp đồng lao động phải trừ thêm 1% bảo hiểm tai nạn và thuế thu nhập cá nhân với số tiền 34.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng lao động số 17 – 10 (bl 254) thì có quy định cụ thể mức lương trả cho ông H2 bao gồm phần đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân của người lao động (nếu có). Do đó, theo như hợp đồng lao động mà ông H2 đã ký kết với công ty thì tiền lương của ông H2 không bao gồm phần đóng 1% bảo hiểm tai nạn nên việc đại diện của công ty yêu cầu trừ tiền lương hàng tháng của ông H2 thêm 1% đối với bảo hiểm tai nạn là không có căn cứ. Bên cạnh đó, theo như quy định Điều 21 và Điều 22 luật thuế thu nhập cá nhân thì thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.. các khoản miễn trừ gia cảnh..và mức thu nhập tính thuế là đến 5.000.000 đồng/tháng, theo như nội dung văn bản (bl 111) tổng giám đốc Công ty gửi cho ông H2 thì xác định mức lương ông H2 từ ngày 01/01/2012 sẽ

tăng lên 5.175.000 đồng nên mức lương tăng này của ông H2 phải trừ các khoản bảo hiểm bao gồm: Bảo hiểm xã hội 7%, bảo hiểm y tế 1,5%, bảo hiểm thất nghiệp 1%. Tổng cộng là 9,5% (căn cứ theo quyết định số 1111 ngày 25/10/2012 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam). Như vậy, tổng số tiền bảo hiểm phải trừ vào lương của ông H2: 5.175.000 x 9,5% = 491.625 đồng. Tiền lương hàng tháng của ông H2 sau khi trừ bảo hiểm là 5.175.000 – 491.625 = 4.683.375 đồng. Như vậy, lương hàng tháng của ông H2 là 4.683.375 đồng nên theo quy định luật thuế thu nhập cá nhân năm 2007 thì ông H2 không phải chịu đối với thuế thu nhập cá nhân.

[5] Như vậy, tiền lương của ông H2 từ tháng 3/2012 đến tháng 11/2012 là 4.683.375 đồng x 9 tháng = 42.150.375 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm khi tính tiền lương hàng tháng của ông H2 để đối trừ tiền nợ phí bảo hiểm của Công ty nhưng lại không trừ các khoản tiền bảo hiểm mà ông H2 phải đóng từ mức lương hàng tháng của ông H2 là chưa đúng theo quy định tại hợp đồng lao động mà ông H2 đã ký kết với Công ty. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp G về tiền lương hàng tháng của ông H2. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của Công ty về việc tính phần đóng bảo hiểm tai nạn 1% và thuế thu nhập cá nhân trừ vào mức lương hàng tháng của ông H2.

[6] Đối với nội dung kháng cáo của Công ty và kháng nghị của Viện kiểm sát về việc cấp sơ thẩm đối trừ tiền thưởng doanh thu năm 2011 cho ông H2 để trừ nợ phí bảo hiểm là không đúng với quy định của Công ty tại Quyết định TGĐ/2011/2701a ngày 27/01/2011. Xét thấy: Như đã phân tích trên, tại quyết định TGĐ/2011/2701a (bl 97) có quy định các điều kiện để được thưởng theo các quý nhưng ông H2 không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc có đưa ra kế hoạch cũng như kết quả hoàn thành kế hoạch của mình. Mặc khác, doanh thu năm 2011 mà ông H2 xác định với số tiền là 812.272.000 đồng (bl 239) để được thưởng doanh thu của 3% số tiền này thì lại không có xác nhận của ông Ngô Văn Đ1 là trưởng Văn phòng đại diện. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào mức doanh thu với số tiền 812.272.000 đồng khi biên bản không có xác nhận của trưởng văn phòng đại diện để tính tiền thưởng doanh thu của 3% cho ông H2 là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp G và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[7] Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G kháng cáo về việc yêu cầu tính tiền lãi ông H2 chậm thanh toán cho công ty từ ngày 13/9/2012. Xét thấy: Tại biên bản ngày 13/9/2012 thể hiện hai bên đã thống nhất số tiền ông H2 nợ công ty là 697.788.000 đồng. Tuy nhiên, đây là khoản tiền chưa được đối trừ các khoản nợ mà công ty còn nợ ông H2 và nội dung biên bản cũng không thể hiện việc tính lãi phát sinh từ thời điểm nào. Giấy cam kết ngày 25/10/2012 cũng không có chữ ký

của ông H2 nên không thể xác định ông H2 hứa sẽ trả dứt nợ cho công ty kể từ ngày 25/11/2012. Đồng thời, theo biên bản hòa giải ngày 24/02/2014 tại Tòa án thành phố S thì ông H2 có thừa nhận còn nợ công ty số tiền 622.312.180 đồng nhưng cho đến khi Công ty nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông H2 trả nợ phí và lãi thì Công ty mới bắt đầu trừ các khoản Công ty còn nợ ông H2 và yêu cầu ông H2 trả với số tiền 305.392.073 đồng nhưng ông H2 không thống nhất với số tiền mà Công ty đối trừ. Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa Công ty và ông H2 vẫn còn tranh chấp với nhau về các khoản tiền mà Công ty nợ ông H2, nên không thể buộc ông H2 phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo yêu cầu Công ty. Tuy nhiên, đối với nội dung tiền lãi chậm trả có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H2 nhưng ông H2 đã từ bỏ việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết nội dung liên quan đến quyền lợi này của ông H2. Từ đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo về nội dung tính lãi suất chậm thanh toán từ ngày 13/9/2012 của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G.

[8] Tại phần thể hiện các đương sự tham gia tố tụng của Bản án sơ thẩm đã ghi người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G là ông Bùi Văn K1; chức vụ: Tổng giám đốc Công ty. Tuy nhiên, tại Công văn số 10961/BTC- QLBH ngày 17/8/2017 của Bộ Tài chính thì Tổng giám đốc hiện tại của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G là bà Phạm Thị Ngọc H nên cần chỉnh sửa lại nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

[9] Từ đó, có căn cứ xác định các khoản Công ty còn nợ ông H2 gồm: 340.455.868 đồng (tiền lương hoa hồng và lương kinh doanh) + 42.150.375 đồng (tiền lương 09 tháng của ông H2) + 15.000.000 đồng (tiền thuê nhà) = 397.606.243 đồng. Đối trừ các khoản công ty nợ ông H2 thì số tiền ông H2 còn phải trả cho công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G số tiền là: 697.788.000 đồng - 397.606.243 đồng = 300.181.757 đồng.

[10] Như vậy, tổng số tiền ông H2 nợ phí Bảo hiểm của Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp G (tiền vốn và lãi) là: 300.181.757 đồng + 118.054.202 đồng = 418.235.959 đồng.

[11] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của công ty, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp G buộc ông H2 phải trả số tiền vốn và lãi 418.235.959

đồng, nên ông H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền: 418.235.959 đồng x 5% = 20.911.798 đồng.

[13] Công ty phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với một phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận: 446.101.470 đồng - 418.235.959 đồng = 27.865.511 đồng x 5% = 1.393.275 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G không phải chịu, ông Trần Thanh H2 phải chịu theo quy định pháp luật.

[14] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256; khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12; Điều 28 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G. Buộc ông Trần Thanh H2 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G tiền vốn 300.181.757 đồng và tiền lãi 118.054.202 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền vốn và lãi là 418.235.959 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G về việc yêu cầu ông Trần Thanh H2 phải trả số nợ vốn và lãi đối với số tiền 27.865.511 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Trần Thanh H2 về việc yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G trả ông H2 số tiền 47.687.820 đồng.

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh H2 phải nộp 20.911.798 đồng. Ông H2 đã dự nộp 1.192.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006232 ngày 29/7/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B được đối trừ án phí, ông H2 phải nộp tiếp số tiền 19.719.798đ (mười chín triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng).

Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G phải nộp 1.393.275 đồng. Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 10.100.000 đồng tại biên lai thu tiền số 005768 ngày 25/02/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B được đối trừ, Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G được hoàn lại số tiền 8.706.725đ (Tám triệu bảy trăm lẽ sáu nghìn bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G không phải chịu, Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp G đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007715 ngày 11/10/2017 (do chị Lương Thị Hồng M nộp thay cho Công ty) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Ông Trần Thanh H2 phải chịu 300.000 đồng. Ông H2 đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007758 ngày 20/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- VKSND Tp.B;
- TAND Tp.B (01 bản);
- CCTHADS Tp.B (01 bản);
- Các đương sự (17 bản);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (01 bản).

(Đã ký)

Cao Thị Túy Giang